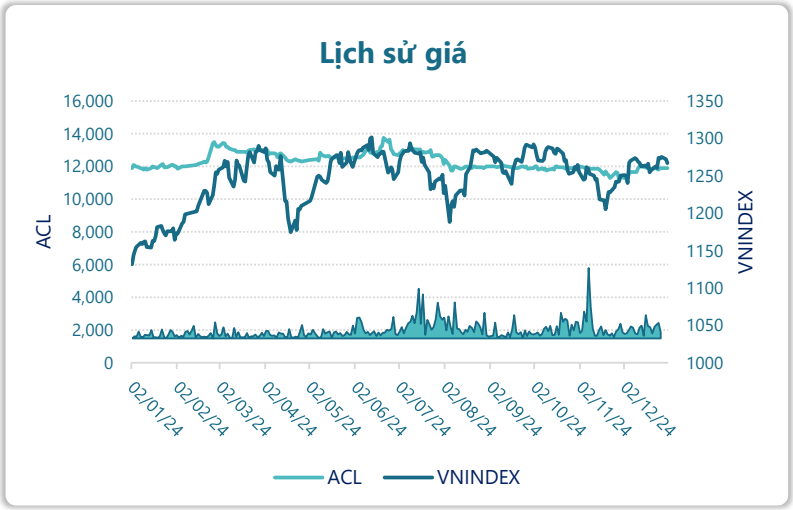
FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Cửu Long An Giang (HSX: ACL)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
SL cổ phiếu LH	50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,010
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	597
P/E	56.6
EPS	210

DT thuần

Q4/24

455

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0| 9.7%

YoY: ▲ 41.0| 10.0%

LN sau thuế

Q4/24

2.13

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.22| -36.5%

YoY: ▲ 0.82| 62.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.5%

+/- YoY: ▼ 2.8%

DT thuần

2024

1,749

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 632| 56.6%

LN sau thuế

2024

10.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.65| 6.9%

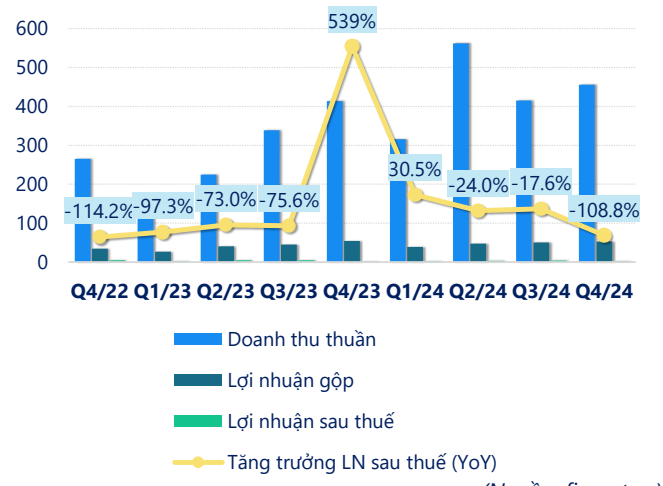
ROE

2024

1.3%

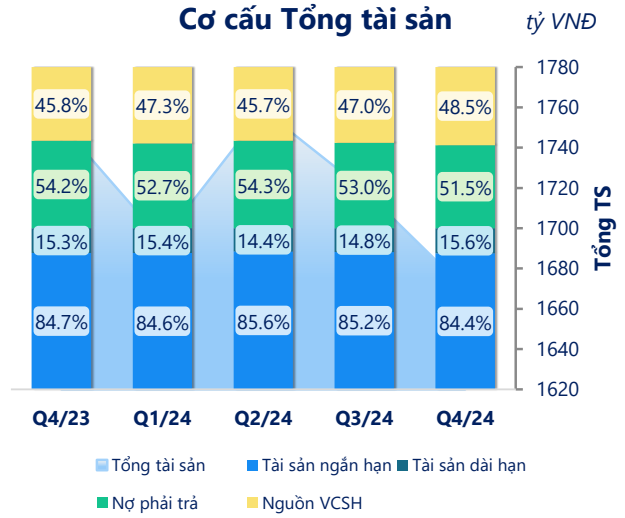
+/- YoY: ▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh



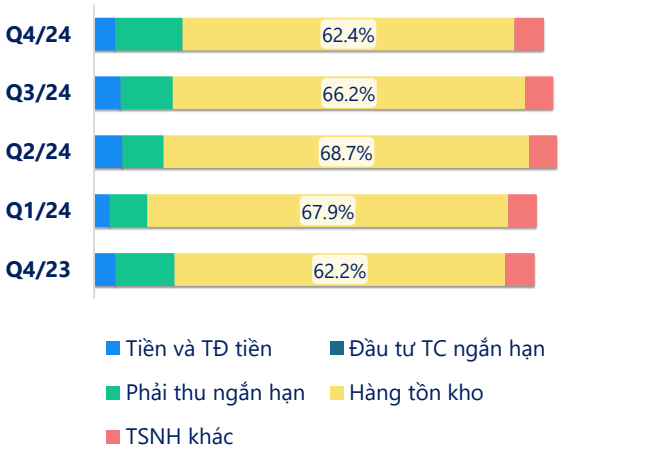
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



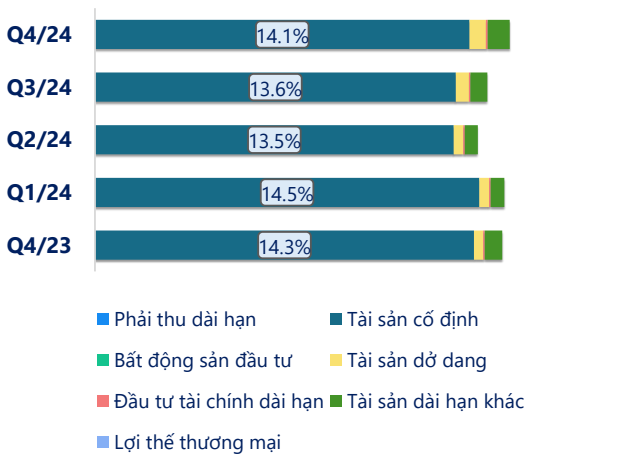
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



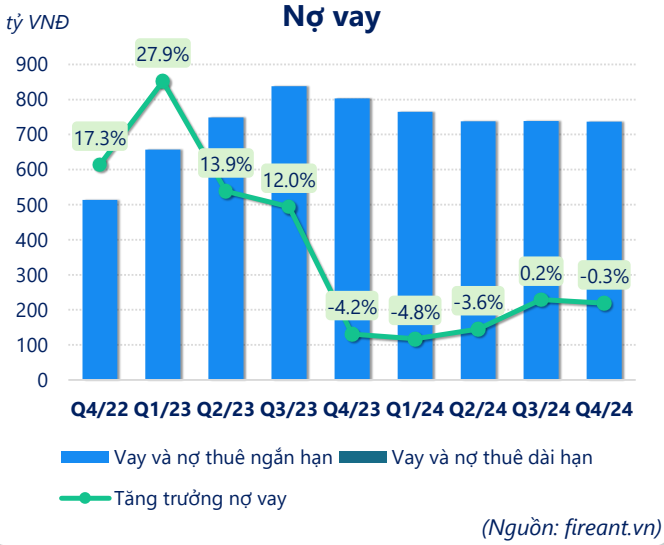
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



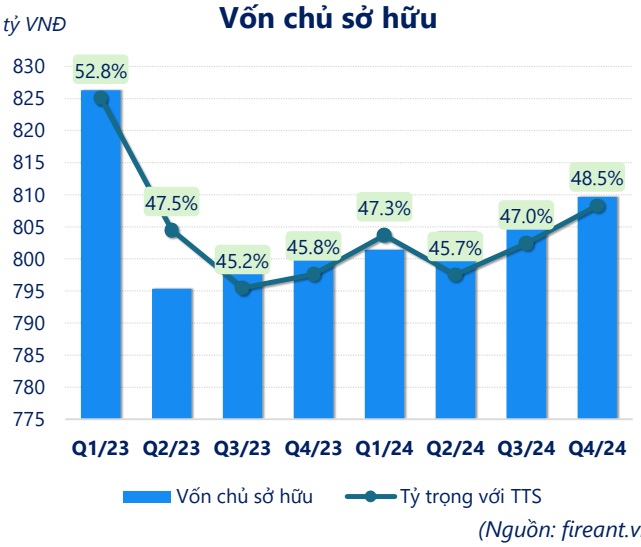
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



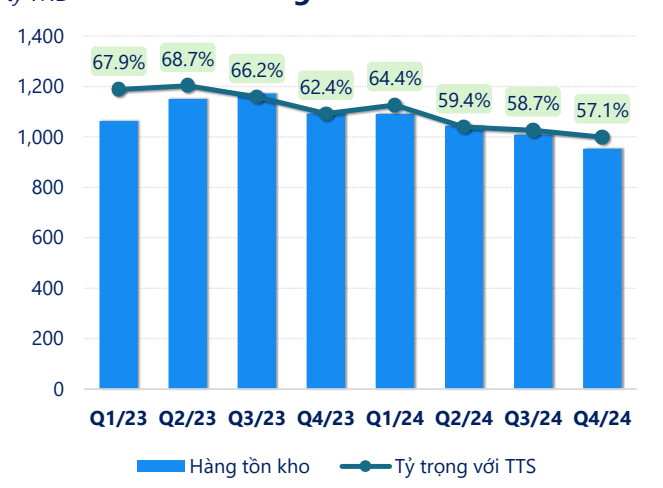
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



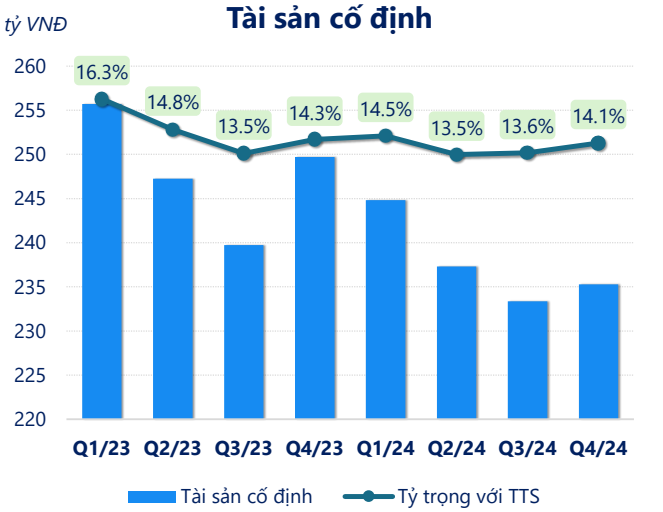
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



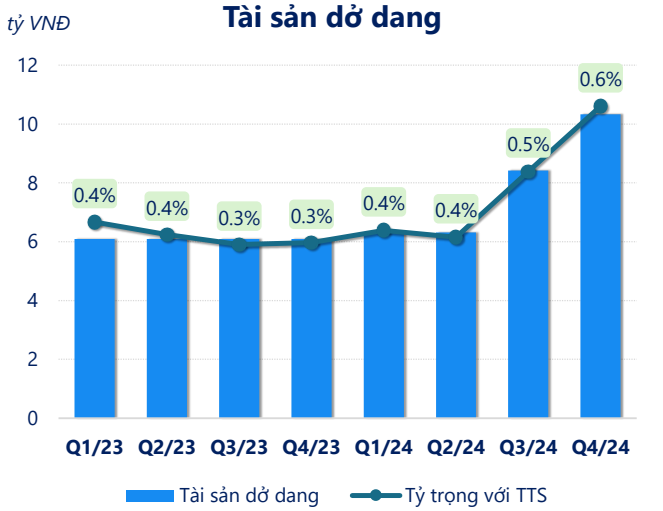
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



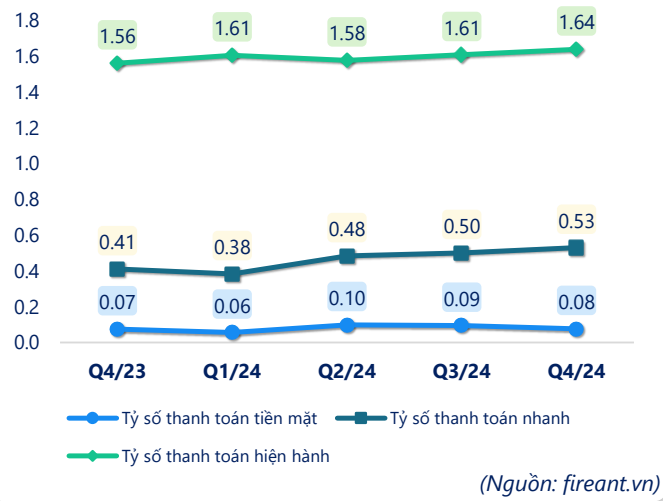
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



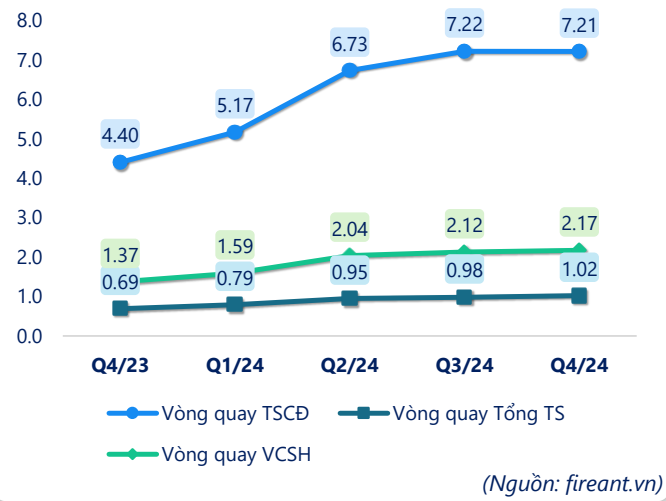
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,751**	**1,694**	**1,759**	**1,719**	**1,670**
Tài sản ngắn hạn	**1,483**	**1,433**	**1,505**	**1,465**	**1,409**
Tiền và tương đương tiền	71.1	50.0	94.0	86.2	66.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	222	194	266	266	283
Hàng tồn kho	1,093	1,091	1,044	1,008	953
Tài sản ngắn hạn khác	97.1	98.5	102	104	107
Tài sản dài hạn	**268**	**261**	**253**	**254**	**260**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	250	245	237	233	235
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.10	6.31	6.31	8.41	10.3
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
Tài sản dài hạn khác	11.5	8.73	8.59	11.0	13.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**950**	**893**	**954**	**911**	**860**
Nợ ngắn hạn	**950**	**893**	**954**	**911**	**860**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	803	765	737	739	737
Phải trả người bán ngắn hạn	93.8	79.1	153	125	75.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**801**	**801**	**804**	**808**	**810**
Vốn chủ sở hữu	**801**	**801**	**804**	**808**	**810**
Vốn điều lệ	502	502	502	502	502
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)